

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Tịnh Khê)

Đơn vị: đồng

| STT        | Nội dung                                                                  | Dự toán năm 2026       |
|------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| <i>A</i>   | <i>B</i>                                                                  | <i>I</i>               |
| <b>A</b>   | <b>Tổng thu ngân sách địa phương</b>                                      | <b>267.667.000.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>                                  | <b>85.648.000.000</b>  |
| -          | Thu NSDP hưởng 100%                                                       | 10.125.000.000         |
| -          | Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia                                 | 75.523.000.000         |
| <b>II</b>  | <b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>                                  | <b>182.019.000.000</b> |
| 1          | Thu bổ sung cân đối ngân sách                                             | 99.136.000.000         |
| 2          | Thu bổ sung nguồn CCTL và chế độ                                          | 27.923.000.000         |
| 3          | Thu bổ sung có mục tiêu                                                   | 54.960.000.000         |
| <b>III</b> | <b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>                                        |                        |
| <b>IV</b>  | <b>Thu kết dư</b>                                                         |                        |
| <b>V</b>   | <b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>                          |                        |
| <b>B</b>   | <b>TỔNG CHI NSDP</b>                                                      | <b>267.667.000.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Tổng chi cân đối NSDP</b>                                              | <b>212.707.000.000</b> |
| 1          | Chi đầu tư phát triển                                                     | 70.700.000.000         |
| 2          | Chi thường xuyên                                                          | 137.753.000.000        |
| 4          | Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay                    |                        |
| 5          | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính                                          |                        |
| 6          | Dự phòng ngân sách                                                        | 4.254.000.000          |
| <b>II</b>  | <b>Chi các chương trình mục tiêu</b>                                      | <b>54.960.000.000</b>  |
| <b>III</b> | <b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>                                      |                        |
| <b>C</b>   | <b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP</b>                                          |                        |
| <b>D</b>   | <b>CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP</b>                                            | <b>0</b>               |
| <b>I</b>   | <b>Từ nguồn vay để trả nợ gốc</b>                                         |                        |
| <b>II</b>  | <b>Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp xã</b> |                        |
| <b>E</b>   | <b>TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP</b>                                              | <b>0</b>               |
| <b>I</b>   | <b>Vay để bù đắp bội chi</b>                                              |                        |
| <b>II</b>  | <b>Vay để trả nợ gốc</b>                                                  |                        |